

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày..... của Hiệu trưởng trường
Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: **TIẾNG ANH KỸ THUẬT**

Ngành đào tạo: **SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

Tên tiếng Anh: **TEACHING ENGLISH TO SPEAKERS
OF OTHER LANGUAGES (TESOL)**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Mã số: **7140231**

Hình thức đào tạo: **CHÍNH QUY**

TP. Hồ Chí Minh, 2023

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: TIẾNG ANH KỸ THUẬT

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: SƯ PHẠM TIẾNG ANH

Mã ngành: 52140231

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUY

Văn bằng tốt nghiệp:

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

3. Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: 10

Quy trình đào tạo: Theo Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học" *Điều kiện của chuyên ngành:* Không

4. Mục tiêu đào tạo (Objectives) và chuẩn đầu ra

Mục đích (Goals)

Theo Luật Giáo dục của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mục tiêu giáo dục là đào tạo con người phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vậy nên, chương trình đào tạo ngành Sư phạm Anh văn Kỹ thuật có mục tiêu phát triển người học cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực thực tiễn lẫn ý thức trách nhiệm đối với xã hội.

Chương trình đào tạo Ngành Sư phạm Anh nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực để phát triển xã hội trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh. Chương trình được thiết kế nhằm phát triển nhu cầu ngày càng tăng về đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao trong việc giảng dạy tiếng Anh tổng quát và tiếng Anh chuyên ngành ở các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, trường nghề, cao đẳng nghề, trung tâm ngôn ngữ và các đơn vị đào tạo khác ở Việt Nam. Mục tiêu của chương trình đào tạo Ngành Sư phạm Anh là để cung cấp cho sinh viên chuyên ngữ các kiến thức quan trọng về

phương pháp giảng dạy và cơ hội thực hành giảng dạy tiếng Anh tổng quát và tiếng Anh chuyên ngành. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức nền tảng về thực hiện và báo cáo nghiên cứu khoa học, phát triển tài liệu giảng dạy, kiểm tra và đánh giá năng lực tiếng Anh của người học, và sử dụng công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh. Sinh viên năm cuối sẽ có cơ hội dự giờ và thực hành giảng dạy tiếng Anh ở các lớp học thực tế. Chương trình cũng nhằm phát triển cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh để có thể giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc năng động và chuyên nghiệp.

Mục tiêu đào tạo (Objectives)

Sau khi hoàn thành chương trình cử nhân Ngành Sư phạm Anh, sinh viên có thể:

1. Phát triển kiến thức cơ bản về các ngành khoa học nền tảng và kiến thức chuyên ngành về nghiên cứu giảng dạy tiếng Anh.
2. Thể hiện được năng lực tiếng Anh ở trình độ cao trong việc giảng dạy và trong nghiên cứu khoa học.
3. Thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng học tập của thế kỷ 21 trong các tình huống giao tiếp xã hội và trong môi trường làm việc chuyên nghiệp.
4. Phát triển năng lực chuyên môn thông qua năng khả năng tự học suốt đời.

Chuẩn đầu ra (Program outcomes)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Có kiến thức cơ bản về pháp luật, triết học, và phát triển kinh tế - xã hội.	3
1.1	Có kiến thức tổng quan về các khía cạnh chính của luật pháp và qui phạm pháp luật.	
1.2	Có kiến thức cơ bản về triết học, cụ thể là triết học Mác – Lênin.	
1.3	Có kiến thức về các khía cạnh quan trọng của sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.	
2	Có thể so sánh và đối chiếu các chuẩn mực văn hóa, các nền văn minh và các đặc điểm ngôn ngữ.	4
2.1	Có thể so sánh và đối chiếu các chuẩn mực văn hóa liên quan đến văn hóa Anh, Mỹ, các nước châu Á và Việt Nam.	
2.2	Có thể so sánh và đối chiếu các đặc điểm cơ bản của các nền văn minh Anh, Mỹ, châu Á và Việt Nam.	
2.3	Có thể so sánh và đối chiếu các đặc điểm ngôn ngữ học của tiếng Anh và các ngôn ngữ khác.	
3	Thể hiện được khả năng đánh giá các ưu và khuyết điểm của các phương pháp giảng dạy tiếng Anh khi được sử dụng trong những hoàn cảnh giảng dạy cụ thể.	5
3.1	Có kiến thức về hệ thống thuật ngữ được sử dụng trong giảng dạy tiếng Anh tổng quát và tiếng Anh chuyên ngành.	

3.2	Thể hiện được khả năng đánh giá các khía cạnh của việc giảng dạy ngôn ngữ, bao gồm đặc điểm, động cơ học tập, phương pháp học tập của người học, và vai trò của giáo viên.	
3.3	Thể hiện được khả năng đánh giá các cách tiếp cận, phương pháp, tiến trình và kỹ thuật giảng dạy các thành tố ngôn ngữ (phát âm, từ vựng, và ngữ pháp) và kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, và viết).	
4	Tạo ra văn bản nói và viết bằng Tiếng Anh phục vụ mục đích xã hội và chuyên môn dựa trên việc diễn giải các văn bản thông thường và tác phẩm văn học.	6
4.1	Thực hiện việc phản hồi bằng lời nói trong các tình huống trang trọng và thân mật với độ chính xác và độ lưu loát cao.	
4.2	Phân tích các văn bản chuyên ngành hoặc tác phẩm văn học phức tạp, được viết bằng Tiếng Anh.	
4.3	Tạo ra các văn bản học thuật và văn bản thông thường bằng Tiếng Anh.	
5	Thiết kế giáo án và bài thi phù hợp với mục tiêu môn học và đặc điểm của người học.	3
5.1	Thiết kế giáo án cho bài dạy các thành tố ngôn ngữ và bốn kỹ năng ngôn ngữ	
5.2	Đánh giá khả năng thành công của các ý tưởng về hoạt động học tập, trình tự các hoạt động và phân bố thời gian trong giáo án cho bài dạy các thành tố ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ.	
5.3	Thiết kế các loại bài kiểm tra khác nhau để đo lường năng lực của người học về các thành tố ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ.	
5.4	Đánh giá sự khác biệt của các nhóm người học khác nhau, các nhân tố trong một cơ sở đào tạo và bối cảnh xã hội.	
6	Thực hiện các kỹ thuật dạy học và quản lý lớp học thông qua việc tổ chức hoạt động học tập phù hợp với nguồn tài liệu và các công cụ dạy học.	3
6.1	Thiết kế bài giảng để trình chiếu và thiết kế hoạt động học tập, ứng dụng các phần mềm và công nghệ phù hợp.	
6.2	Tổ chức hoạt động dạy học dựa trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn dạy - học Tiếng Anh.	
6.3	Thực hiện các kỹ thuật quản lý lớp học trong các buổi tập giảng và thực tập sư phạm.	
6.4	Thực hiện các kỹ năng giảng dạy trong các buổi tập giảng và thực tập sư phạm.	
6.5	Thể hiện được kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết cho việc thực hiện nghiên cứu khoa học và viết báo cáo.	
7	Đánh giá tài liệu học tập và chất lượng giảng dạy.	5
7.1	Đánh giá tính phù hợp của tài liệu học tập với mục tiêu bài học, đặc điểm của người học và các công cụ hỗ trợ dạy học.	
7.2	Phát triển tài liệu học tập được lưu hành nội bộ và tại các cơ sở đào tạo khác.	
7.3	Đánh giá chất lượng giảng dạy của bản thân và bạn học trong các buổi tập giảng và thực tập sư phạm.	

8	So sánh các chiến lược giao tiếp khác nhau trong môi trường xã hội và nghề nghiệp.	4
8.1	Áp dụng các chiến lược giao tiếp khác nhau trong môi trường xã hội và công việc.	
8.2	Phân tích các chiến lược giao tiếp khác nhau trong tình huống xã hội và nghề nghiệp đa dạng.	
8.3	Đánh giá mức độ hiệu quả của các chiến lược giao tiếp khác nhau trong môi trường xã hội và nghề nghiệp.	
9	Lựa chọn các chiến lược cộng tác phù hợp trong môi trường xã hội và nghề nghiệp.	4
9.1	Áp dụng các chiến lược cộng tác khác nhau trong môi trường xã hội và công việc.	
9.2	Phân tích các chiến lược cộng tác khác nhau trong tình huống xã hội và nghề nghiệp đa dạng.	
9.3	Đánh giá mức độ hiệu quả của các chiến lược cộng tác khác nhau trong môi trường xã hội và nghề nghiệp.	
10	Thể hiện được khả năng tư duy và ra quyết định độc lập trong những tình huống dạy-học khác nhau.	3
10.1	Giải thích và thể hiện được một cách linh hoạt những cách diễn giải và khái niệm hóa của việc dạy-học trong các môi trường khác nhau.	
10.2	Áp dụng các công cụ trí tuệ phù hợp cho việc tư duy.	
10.3	Phân tích chất lượng của các kỹ năng tư duy của bản thân.	
11	Giải quyết các vấn đề phát sinh từ những môi trường xã hội và nghề nghiệp khác nhau.	3
11.1	Khám phá các vấn đề đa dạng liên quan đến môi trường xã hội và nghề nghiệp.	
11.2	Áp dụng các chiến lược phù hợp để giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường xã hội và nghề nghiệp.	
11.3	Phân tích các giải pháp ở khía cạnh mức độ hiệu quả và tính chính xác.	

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 132 tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		36
A. Khối kiến thức bắt buộc		33
I. Lý luận chính trị + Pháp luật		13
1	Triết học Mác-Lênin	3
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2

6	Pháp luật đại cương	2
II. Khoa học Xã hội – Nhân văn		17
1	Tâm lý học	3
2	Quản lý Hành chính Nhà nước trong GD	2
3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3 (tự chọn)
	Tiếng Việt thực hành	(tự chọn)
	Lịch sử Văn minh Thế giới	(tự chọn)
4	Nhật ngữ 1 hoặc Tiếng Trung 1	3
5	Nhật ngữ 2 hoặc Tiếng Trung 2	3
6	Nhật ngữ 3 hoặc Tiếng Trung 3	3
III. Nhập môn ngành Sư phạm		3 (2+1)
B. Khối kiến thức tự chọn		3
IV. Tin học		3
1	Nhập môn lập trình Python	3
V. Khác (các khoa đề xuất)		
C. Khối kiến thức GDTC + GDQP		
VI. Giáo dục thể chất		
1	Giáo dục thể chất 1	1
2	Giáo dục thể chất 2	1
3	Giáo dục thể chất 3	3
VII. Giáo dục quốc phòng		165 tiết
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP		96
A. Khối kiến thức bắt buộc		90
Cơ sở ngành		51
Chuyên ngành		23
Thực tập tốt nghiệp		7
Luận văn /Thi tốt nghiệp		9
B. Khối kiến thức tự chọn		6
1	English for Business Communication	3
2	Tiếng Anh Chuyên Ngành Công Nghệ Môi Trường	
3	Nghiên Cứu Văn Hóa Anh	3
4	Nghiên Cứu Văn Hóa Mỹ	

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần bắt buộc)

A – Phần bắt buộc

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

ST T	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LLCT130105	Triết học Mác-Lênin	3	
2.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	LLCT130105(MHT)
3.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT130105(MHT)
4.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT130105(MHT)
5.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT130105(MHT)

				LLCT120205(MHT) LLCT120405(MHT) LLCT120314(MHT)
6.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
7.	PSYC230191	Tâm lý học	3	
8.	PSEM320391	Quản lí Hành chính Nhà nước trong GD	2	
9.	ITTE130138	Nhập môn ngành Sư phạm	3 (2+1)	
10.	INPY131685	Nhập môn lập trình Python	3	
Tổng			24	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LISP240135	Pre-intermediate Listening and Speaking	4	
2.	LISP240235	Intermediate Listening and Speaking	4	LISP240135 (MHT)
3.	LISP340335	Upper-intermediate Listening and Speaking	4	LISP240235 (MHT) LISP240135 (MHTQ)
4.	LISP430435	Advanced Listening and Speaking	3	LISP340335 (MHT) LISP240235 (MHTQ)
5.	WRIT230135	Basic Writing	3	
6.	WRIT330235	Academic Writing	3	WRIT230135 (MHT)
7.	WRIT330335	Critical Writing	3	WRIT330235 (MHT) WRIT230135 (MHTQ)
8.	READ230135	Intermediate Reading	3	
9.	READ330235	Upper-intermediate Reading	3	READ230135 (MHT)
10.	PHON130136	Phonetics and Phonology	3	
11.	MOSY230236	Morphology and Syntax	3	PHON130136 (MHT)
12.	ASST330336	Đông Nam Á học	3	
13.	SEMA230236	Semantics	3	MOSY230236 (MHT)
14.	ENEE330337	English for Electronic and Electrical Engineering	3	
15.	ENME330437	English for Mechanical Engineering	3	
16.	ENIT330237	Tiếng Anh Chuyên Ngành Công Nghệ Thông Tin	3	
Tổng			51	

7.2.2.a Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	ITTM130238	Introduction to Teaching Methodology	3	
2.	LASK230338	Language Skills Teaching	3	ITTM130238 (MHT)
3.	TEPR330438	Thực Hành Giảng Dạy	3	LASK230338 (MHT) ITTM130238 (MHTQ)
4.	TEYL330538	Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh Thiếu Nhi	3	ITTM130238 (MHTQ)
5.	TELL330638	Ứng Dụng CNTT Trong Giảng Dạy Tiếng Anh	3	ITTM130238 (MHTQ)
6.	MATD430738	Phát Triển Tài Liệu Giảng Dạy	3	WRIT330335 (MHTQ)
7.	REME430838	Phương Pháp Nghiên Cứu Khoa Học	3	WRIT330335 (MHTQ)
8.	SSTE320938	Chuyên đề doanh nghiệp	2	LASK230338 (MHTQ)
Tổng			23	

7.2.2.b Kiến thức chuyên ngành (học phần thực tập tốt nghiệp)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
<i>Chuyên ngành Sư phạm Anh</i>				
1.	TPRA471038	Teaching Practicum	7	TEPR330438 (MHTQ) MATD430738 (MHTQ) TELL330638 (MHTQ)
Tổng			7	

7.2.3. Tốt nghiệp (Sinh viên chọn một trong hai hình thức sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	THES491438	Khóa luận	09	REME 430838 (MHTQ)
2.		Các môn thay thế khóa luận	09	
2.1	TEST431138	Kiểm Tra Đánh Giá	3	TEPR330438 (MHTQ) TEYL330538 (MHTQ) WRT330335 (MHTQ)
2.2	PRAG430436	Ngữ Dụng Học	3	SEMA230336 (MHTQ)
2.3		<i>Chọn 1 trong 2 môn dưới đây</i>		
	LAAC431238	Second Language Acquisition (Tự chọn)	3	READ330235 (MHTQ)
	SOCI431338	Sociolinguistics (Tự chọn)		LISP430435 (MHTQ)
Tổng			9	

B – Phần tự chọn:**Kiến thức giáo dục đại cương** (Sinh viên chọn 01 trong các môn học sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1a	JAPA130138	Nhật Ngữ 1	3	
1b	CHIN130138	Tiếng Trung 1		
2a	JAPA230238	Nhật ngữ 2	3	JAPA130138 (MHT) CHIN130138 (MHT)
2b	CHIN 230238	Tiếng Trung 2		
3a	JAPA330338	Nhật ngữ 3	3	JAPA230238 (MHT) CHIN230238 (MHT)
3b	CHIN330338	Tiếng Trung 3		
4a	VICB230138	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	
4b	VIPR230238	Tiếng Việt thực hành		
4c	HIST230338	Lịch sử Văn minh Thế giới		
Tổng			12	

Kiến thức cơ sở ngành (Sinh viên chọn 01 trong các môn học sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1a	ENBC330137	English for Business Communication	3	
1b	ENET330137	Tiếng Anh Chuyên Ngành Công Nghệ Môi Trường		
2a	BRST330336	Nghiên Cứu Văn Hóa Anh	3	
2b	AMST330336	Nghiên Cứu Văn Hóa Mỹ		
Tổng			6	

C – Kiến thức liên ngành:

Sinh viên có thể chọn 6 tín chỉ liên ngành để thay thế cho các môn học chuyên ngành trong phần tự chọn:

- Xem danh sách các môn học được đề xuất trong phần Phụ lục, hoặc
- Sinh viên có thể tự chọn các môn học nằm ngoài danh sách được đề xuất trên tinh thần các môn học hỗ trợ hướng phát triển nghề nghiệp sau này. SV nên nhờ tư vấn thêm từ Ban tư vấn để có sự lựa chọn phù hợp.

D – Các môn học MOOC (Massive Open Online Courses):

Nhằm tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, SV có thể tự chọn các khóa học online đề xuất trong bảng sau để xét tương đương với các môn học có trong chương trình đào tạo:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn học được xét tương đương MOOC (đường link đăng ký)
-----	------------	-------------	------------	--

1.	TEST431138	Kiểm Tra Đánh Giá	3	<i>Improve your knowledge of and skills in language assessment</i> https://www.futurelearn.com/courses/language-assessment#section-dates
2.	JAPA130138	Nhật Ngữ 1	3	<i>Japanese Pronunciation for Communication</i> https://www.edx.org/course/japanese-pronunciation-for-communication
Tổng			6	

8. Kế hoạch giảng dạy:

Các môn không xếp vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
2.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	
3.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	LLCT130105(MHT)
4.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT130105(MHT)
5.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT130105(MHT)
6.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT130105(MHT) LLCT120205(MHT) LLCT120405(MHT) LLCT120314 (MHT)

Học kỳ 1

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, Mã MH tiên quyết
1.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
2.	INPY131685	Nhập môn lập trình Python	3	
3.	WRIT230135	Basic Writing	3	
4.	READ230135	Intermediate Reading	3	
5.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	
6.	LISP240135	Pre-intermediate Listening and Speaking	4	
7.	ITTE130138	Nhập môn ngành Sư phạm	3 (2+1)	
Tổng			18	

Học kỳ 2

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, Mã MH tiên quyết
1.	PSEM320391	Quản lý hành chính nhà nước trong GD	2	
2.	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3	
3.	JAPA130138	Nhật Ngữ 1 (tự chọn)	3	
	CHIN130138	Tiếng Trung 1 (tự chọn)		
4.	LISP240235	Intermediate Listening and Speaking	4	LISP 240135 (MHT)

5.	WRIT330235	Academic Writing	3	WRIT 230135 (MHT)
6.	READ330235	Upper-intermediate Reading	3	READ 230135 (MHT)
7.	PHON130136	Phonetics and Phonology	3	
Tổng			21	

Học kỳ 3

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, Mã MH tiên quyết
1.	PSYC230191	Tâm lý học	3	
2.	JAPA230238	Nhật Ngữ 2 (tự chọn)	3	JAPA 130138 (MHT)
	CHIN230238	Tiếng Trung 2 (tự chọn)		CHIN130138(MHT)
3.	VICB230138	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	3	(Chọn 01 môn 3/4/5)
4.	VIPR230238	Tiếng Việt Thực hành		
5.	HIST230338	Lịch sử Văn minh Thế giới		
3.	LISP340335	Upper-intermediate Listening and Speaking	4	LISP 240235 (MHT) LISP 240135 (MHTQ)
4.	WRIT330335	Critical Writing	3	WRIT 330235 (MHT) WRIT 230135 MHTQ)
5.	MOSY230236	Morphology and Syntax	3	PHON 230136 (MHT)
6.	ITTM130238	Introduction to Teaching Methodology	3	
Tổng			22	

Học kỳ 4

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, Mã MH tiên quyết
1.	JAPA330338	Nhật Ngữ 3 (tự chọn)	3	JAPA230238(MHT)
	CHIN330338	Tiếng Trung 3 (tự chọn)		CHIN230238(MHT)
2.	LISP430435	Advanced Listening and Speaking	3	LISP340335 (MHT) LISP240235 (MHTQ)
3.	ENME330437	English for Mechanical Engineering	3	
4.	ENEE330337	English for Electronic and Electrical Engineering	3	
5.	SEMA230236	Semantics	3	MOSY230236 (MHT)
6.	LASK230338	Language Skills Teaching	3	ITTM130238 (MHTQ)
Tổng			18	

Học kỳ 5

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, Mã MH tiên quyết
1.	MATD430738	Phát Triển Tài Liệu Giảng Dạy	3	WRIT330335 (MHTQ)
2.	TELL330638	Ứng Dụng CNTT Trong Giảng Dạy Tiếng Anh	3	ITTM130238 (MHTQ)
3.	BRST330336	Nghiên Cứu Văn Hóa Anh (tự chọn)	3	(Chọn 01 môn 3/4)
4.	AMST330336	Nghiên Cứu Văn Hóa Mỹ (tự chọn)		

5.	ENIT330237	Tiếng Anh Chuyên Ngành Công Nghệ Thông Tin	3	
6.	ENBC330137	English for Business Communication	3	(Chọn 01 môn 6/7)
7.	ENET330137	Tiếng Anh Chuyên Ngành Công Nghệ Môi Trường		
Tổng			15	

Học kỳ 6

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, Mã MH tiên quyết
1.	ASST330336	Đông Nam Á học	3	WRIT330335 (MHT)
2.	REME430838	Phương Pháp Nghiên Cứu Khoa Học	3	WRIT330335 (MHTQ)
3.	TEPR330438	Thực Hành Giảng Dạy	3	LASK230338 (MHTQ) MATD430738 (MHTQ) TELL330638 (MHTQ)
4.	TEYL330538	Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh Thiếu Nhi	3	LASK230338 (MHTQ) MATD430738 (MHTQ) TELL330638 (MHTQ)
5.	SSTE320938	Chuyên đề doanh nghiệp	2	LASK230338 (MHTQ)
Tổng			14	

Học kỳ 7

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, Mã MH tiên quyết
1.	TPRA471038	Teaching Practicum	7	TEPR 330438 (MHTQ) MATD 430738 (MHTQ) TELL 330638 (MHTQ)
Tổng			7	

Học kỳ 8

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, Mã MH tiên quyết
1.	THES491438	Khóa luận	9	REME430838 (MHTQ)
2.		Các môn thay thế khóa luận	9	
2.1	TEST431138	Kiểm Tra Đánh Giá	3	TEPR330438 (MHTQ) TEYL330538 (MHTQ) WRT330335 (MHTQ)
2.2	PRAG430436	Ngữ Dụng Học	3	SEMA230336 (MHTQ)
2.3		Chọn 1 trong 2 môn dưới đây		
	LAAC431238	Second Language Acquisition (Tự chọn)	3	READ330235 (MHTQ)
	SOCI431338	Sociolinguistics (Tự chọn)		LISP430435 (MHTQ)
Tổng			9	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Intermediate Reading

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh năm thứ nhất đạt được năng lực đọc ở trình độ trung cấp (B1). Học phần hỗ trợ kỹ năng đoán nghĩa của từ thông qua ngữ cảnh (trang bị từ vựng mới cho người đọc trước khi vào bài đọc chính và củng cố thêm từ vựng cho người đọc sau khi kết thúc tất cả quá trình đọc). Ngoài ra, các hình thức bài tập đa dạng giúp tăng cường kỹ năng đọc lấy ý chính, đọc lấy thông tin chi tiết, và kỹ năng đọc hiểu nhanh thông qua việc xác định “key words – những từ thể hiện chủ đề chính của bài đọc”. Sau khóa học, sinh viên có khả năng vận dụng biểu đồ để giúp đọc hiểu bài đọc dễ dàng. Học phần cũng giúp sinh viên phát triển tư duy logic, sáng tạo và khả năng suy luận.

9.2. Upper-intermediate Reading

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Intermediate Reading

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung môn học:

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh năm thứ nhất đạt được năng lực đọc ở trình độ trên trung cấp (B2). Thông qua các bài đọc thuộc nhiều thể loại khác nhau, sinh viên không chỉ thực hành các kỹ năng đọc căn bản mà còn phát triển các kỹ năng đọc nâng cao như suy luận, xác định giọng văn và cảm xúc của tác giả, nhận biết thái độ và thiên kiến của tác giả, xác định nguồn thông tin, xác định nguyên nhân kết quả, đọc hiểu dữ liệu thống kê. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và xây dựng vốn từ vựng thuộc nhiều đề tài khác nhau. Thông qua các hoạt động học trên lớp và bài tập về nhà, sinh viên còn phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc cá nhân và làm việc nhóm.

9.3. Basic Writing

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung môn học:

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên Anh luyện viết các loại câu tiếng Anh căn bản và các thể loại đoạn văn khác nhau. Cụ thể, mỗi đơn vị bài học sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng diễn đạt ý tưởng hiệu quả và phù hợp với chủ đề, thể loại, và đối tượng người đọc. Bên cạnh đó, các vấn đề ngữ pháp sinh viên thường gặp phải khi viết câu, cách kết hợp từ vựng và sử dụng dấu câu để viết câu một cách hiệu quả cũng được lồng ghép vào các đơn vị bài học. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng để giúp sinh viên viết một đoạn văn mang tính học thuật với ba thành phần bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai ý và câu kết luận. Sau đó, sinh viên tìm hiểu và thực hành viết các loại đoạn văn khác nhau về các chủ đề gần gũi với cuộc sống hiện tại. Thông qua các hoạt động viết và nhận xét cá nhân hoặc theo

nhóm, sinh viên được củng cố và hoàn thiện về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng viết câu và viết đoạn văn. Bên cạnh đó, các hoạt động trên lớp, bài tập cá nhân và làm nhóm ở nhà, sinh viên đồng thời phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc độc lập và làm việc nhóm.

9.4. Academic Writing

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Môn học trước: Basic Writing

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm rèn luyện và củng cố kỹ năng viết luận tiếng Anh của sinh viên dựa trên nền tảng kiến thức của khóa học viết tiếng Anh căn bản. Thông qua việc phân tích bố cục của một đoạn văn, khóa học tạo cầu nối, giúp sinh viên thấy được sự tương quan giữa viết một đoạn văn và viết một bài luận. Từ đó, sinh viên học cách phát triển một đoạn văn thành một bài luận chặt chẽ đủ ba phần: mở bài, thân bài, và kết bài. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức và kỹ năng để thành công trong việc thực hành viết bốn loại bài luận trên các thể loại: miêu tả, so sánh và đối chiếu, nguyên nhân và kết quả, phân loại. Bên cạnh đó, sinh viên được tạo cơ hội để phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua các hoạt động thảo luận cho ý kiến và chia sẻ những trải nghiệm của bản thân. Đồng thời, các hoạt động viết cá nhân và nhóm cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

9.5. Critical Writing

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Môn học trước: Academic Writing

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên Anh rèn luyện kỹ năng viết tiếng Anh biện luận dựa trên nền tảng kiến thức của khóa học viết tiếng Anh học thuật. Cụ thể, học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để thành công trong việc thực hành viết hai loại bài luận trên các thể loại bài văn tranh luận (argument essay) và bài văn phản hồi (response essay). Trong môi trường học thuật, khả năng để viết phản biện rất quan trọng và cần thiết để sinh viên tiếp tục phát triển năng lực ngôn ngữ và khả năng nghiên cứu khoa học ở các học kỳ tiếp theo. Bên cạnh đó, thông qua các hoạt động trên lớp, bài tập cá nhân và làm nhóm ở nhà, sinh viên đồng thời phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc độc lập và làm việc nhóm.

9.6. Pre-intermediate Listening and Speaking

(4 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 4 (4/0/8)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên Anh đạt được năng lực nghe nói tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp (A2). Học phần này cung cấp cho sinh viên từ vựng, ngữ pháp, kiểu

mẫu phát âm và kiến thức nền tảng về những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống và công việc thường ngày. Học phần này còn chú trọng phát triển kỹ năng nghe, cụ thể là xác định được ý chính và chi tiết trong các bài nói ngắn, các đoạn hội thoại và xây dựng khả năng giao tiếp tự tin, giải thích vấn đề, trình bày ý kiến và tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm. Bên cạnh đó, thông qua học phần này, sinh viên không những phát triển kỹ năng nghe nói mà còn hình thành kỹ năng tự học, lập luận, tư duy có hệ thống và sáng tạo, làm tiền đề cho việc phát triển năng lực tư duy, giao tiếp cần thiết trong tương lai.

9.7. Intermediate Listening and Speaking

(4 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 4 (4/0/8)

Môn học trước: Pre-intermediate Listening and Speaking

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này nhằm giúp sinh viên đạt được năng lực nghe nói tiếng Anh ở trình độ trung cấp (B1). Cụ thể, sinh viên có thể nắm bắt được các chiến lược nghe - nói (nghe lấy ý chính và chi tiết) và có khả năng nghe hiểu được về các chủ đề quen thuộc thường gặp nơi làm việc, trường học, trò tiêu khiển, sở thích cá nhân, miêu tả kinh nghiệm, ước mơ, sau đó thảo luận, đưa ra lí do và giải thích ý kiến về những vấn đề liên quan tới bài nghe. Ngoài ra, sinh viên cũng mở rộng kiến thức nền và vốn từ vựng thông qua các chủ đề được học. Đồng thời, những kỹ năng được rèn luyện trong quá trình học như suy luận, tổng hợp, thuyết trình, làm việc nhóm, chiến lược làm bài thi giúp người học phát triển tư duy cũng như kỹ năng học ngoại ngữ.

9.8. Upper-intermediate Listening and Speaking

(4 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 4 (4/0/8)

Môn học trước: Intermediate Listening and Speaking

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên đạt được năng lực nghe nói tiếng Anh ở trình độ cận trên trung cấp (B1⁺). Cụ thể, sinh viên có thể nghe hiểu các bài phát thanh và các bài giảng ngắn, đồng thời ghi chú khi nghe, sau đó thảo luận hoặc tranh luận về các vấn đề được đề cập trong bài nghe. Thông qua các hoạt động dựa trên nhiệm vụ và phương pháp dạy lấy người học làm trung tâm, sinh viên đồng thời phát triển các kỹ năng như suy luận, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống, cá nhân hóa, phân biệt ngôn ngữ, làm bài thi, làm việc nhóm, tư duy phê phán và kỹ năng học ngoại ngữ, giúp người học thành công trong môi trường đại học và trong cuộc sống sau này. Các chủ đề đa dạng giúp sinh viên hình thành thái độ có chọn lọc và mang tính xây dựng đối với các giá trị về học thuật lẫn kinh tế - xã hội.

9.9. Advanced Listening and Speaking

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)

Môn học trước: Upper-intermediate Listening and Speaking

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên Anh đạt được năng lực nghe nói tiếng Anh ở trình độ trên trung cấp (B2+) đến nâng cao (C1). Cụ thể, sinh viên có thể nghe hiểu các bài giảng, bài nói và thảo luận có tranh luận về các chủ đề học thuật, khoa học xã hội và khoa học tự nhiên ít quen thuộc, đồng thời thông qua bài nghe phát triển tư duy phản biện để có thể suy luận, phân tích, tổng hợp, đánh giá, tranh luận và giải quyết tình huống. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức nâng cao về từ vựng, phát âm và ngôn ngữ chức năng để tăng độ chính xác và nhuần nhuyễn khi sử dụng tiếng Anh trong các buổi thảo luận nhóm, tranh luận, thuyết trình đưa thông tin, thuyết minh dự án, thuyết trình đề thuyết phục, thương lượng hoặc giải quyết mâu thuẫn. Khóa học cũng cung cấp một số kỹ năng học cần thiết như cách làm việc nhóm, cách nghe hiểu các bài giảng dài, cách làm bài thi và nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tư duy phản biện.

9.10. Phonetics and Phonology

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học hệ thống ngữ âm và âm vị tiếng Anh, hệ thống phiên âm quốc tế IPA; giúp sinh viên phân biệt được sự khác nhau giữa cách viết, ngữ âm và âm vị của tiếng Anh và tiếng Mỹ. Đồng thời, học phần cung cấp cho người học kiến thức và bài tập về trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu. Kết thúc học phần người học có khả năng phát âm đúng các âm, từ, các câu, các mẫu hội thoại ngắn và sử dụng ngữ điệu theo chuẩn của người Anh.

9.11. Morphology and Syntax

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Phonetics and Phonology

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên ngành Biên phiên dịch Kỹ thuật kiến thức căn bản về hình thái học và cú pháp học trong hệ thống các môn ngôn ngữ học. Hình thái học giúp người học hiểu về cấu trúc từ và các đơn vị ý nghĩa khác của từ trong khi Cú pháp học đề cập đến cấu trúc câu gồm cách thức từ tạo thành cụm từ, cụm từ tại thành mệnh đề và câu, cách thức mệnh đề kết hợp tạo thành câu phức. Do vậy, sự kết hợp của Hình thái học và Cú pháp học đã tạo nên ngữ pháp của một ngôn ngữ. Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để miêu tả và phân tích một ngôn ngữ, cụ thể là tiếng Anh, và tạo tiền đề cho các học phần kỹ năng Biên – Phiên dịch trong các học kỳ sau.

9.12. Semantics

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Morphology and Syntax

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Ngữ nghĩa học tiếng Anh cung cấp cho sinh viên ngành Biên phiên dịch Kỹ thuật những hiểu biết cơ bản về ngữ nghĩa trong tiếng Anh ở cấp độ từ, cấp độ câu và mối quan hệ giữa các

loại ngữ nghĩa. Đây là môn học nghiên cứu về mặt nét nghĩa của các đơn vị ngữ nghĩa; nghiên cứu các loại nghĩa, cấu trúc câu và sự thay đổi nét nghĩa của từ. Đồng thời môn học cũng phần nào giới thiệu nghiên cứu sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp xã hội. Qua môn học, sinh viên có khả năng nhận biết và kiến tạo chuỗi từ chuyển tải ý nghĩa đồng thời biết cách kết hợp những đơn vị ngữ nghĩa thành những tổ hợp nghĩa lớn hơn trong giao tiếp.

9.13. Nghiên Cứu Văn Hóa Anh

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Biên Phiên dịch kiến thức về văn hóa và khái quát văn học của quốc gia có tầm ảnh hưởng lớn đối với thế giới, Vương quốc Anh. Về khía cạnh văn hóa, người học sẽ được giới thiệu khái quát về những yếu tố tác động lên quá trình hình thành, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa như: địa lý, lịch sử và chính trị. Qua hoạt động phân tích các yếu tố này, sinh viên sẽ đưa ra những nhận định mang tính phản biện về các đặc trưng văn hóa Anh và nhờ đó có thể hiểu rõ và giải thích được các hiện tượng văn hóa tại các quốc gia có giao lưu và chịu ảnh hưởng của nền văn hóa này. Về khía cạnh văn học, người học sẽ được giới thiệu khái quát về các tác phẩm và tác giả văn học nổi bật cùng bối cảnh lịch sử của tác phẩm. Dựa trên kiến thức về văn hóa và văn học, người học sẽ được thực hành dịch một số đoạn ngắn trong các tác phẩm để có thể hiểu được ngôn ngữ đặc trưng của văn học và có kỹ năng biên dịch các tác phẩm văn học.

9.14. Nghiên Cứu Văn Hóa Mỹ

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Biên Phiên dịch kiến thức về văn hóa và khái quát văn học của quốc gia có tầm ảnh hưởng lớn đối với thế giới, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Về khía cạnh văn hóa, người học sẽ được giới thiệu khái quát về những yếu tố tác động lên quá trình hình thành, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa như: địa lý, lịch sử và chính trị. Qua hoạt động phân tích các yếu tố này, sinh viên sẽ đưa ra những nhận định mang tính phản biện về các đặc trưng văn hóa Mỹ và nhờ đó có thể hiểu rõ và giải thích được các hiện tượng văn hóa tại các quốc gia có giao lưu và chịu ảnh hưởng của nền văn hóa này. Về khía cạnh văn học, người học sẽ được giới thiệu khái quát về các tác phẩm và tác giả văn học nổi bật cùng bối cảnh lịch sử của tác phẩm. Dựa trên kiến thức về văn hóa và văn học, người học sẽ được thực hành dịch một số đoạn ngắn trong các tác phẩm để có thể hiểu được ngôn ngữ đặc trưng của văn học và có kỹ năng biên dịch các tác phẩm văn học.

9.15. Đông Nam Á học

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Biên Phiên dịch kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Sau khi hoàn thành môn học, người học sẽ có tầm nhìn tổng thể về các mặt kinh tế-lịch sử-văn hóa-chính trị của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

9.16. Ngữ Dụng Học

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: Semantics

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Ngữ dụng học cung cấp cho sinh viên ngành Biên phiên dịch Kỹ thuật những hiểu biết cơ bản về ngữ nghĩa trong giao tiếp tiếng Anh, nghĩa của câu và phát ngôn như hàm ngôn, tiền giả định để có thể vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh, có thể hiểu được ý định giao tiếp của người nói trong ngữ cảnh nhất định của hội thoại Anh-Việt.

9.17. Tiếng Anh Chuyên Ngành Công Nghệ Môi Trường

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Upper-intermediate Listening and Speaking, Upper-intermediate Reading

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tiếng Anh kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ môi trường, bao gồm các vấn đề như ô nhiễm môi trường và cách xử lý, quản lý môi trường (chất lượng nước, chất thải rắn, chất thải lỏng,...). Ngoài ra, việc kết hợp các chủ đề này với nhiều hoạt động đa dạng sẽ giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng Tiếng Anh kỹ thuật, tiếp tục phát triển bốn kỹ năng cơ bản (nghe-nói-đọc-viết) và kỹ năng dịch thuật chuyên ngành, làm tóm tắt và viết báo cáo. Sau khi khóa học kết thúc, sinh viên có khả năng hiểu được ý chính và ý chi tiết của các tài liệu về công nghệ môi trường, hiểu và mô tả được các biểu đồ.

9.18. English for IT

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Upper-intermediate Listening and Speaking, Upper-intermediate Reading

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tiếng Anh kỹ thuật trong lĩnh vực Công nghệ Thông tin như: máy tính, hệ điều hành máy tính, phần cứng, phần mềm, truyền dữ liệu, mạng máy tính, đa phương tiện, an toàn và bảo mật... Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cùng với kỹ năng thuyết trình, dịch thuật chuyên ngành, làm tóm tắt và viết báo cáo được củng cố và phát triển nhằm giúp sinh viên vận dụng các kiến thức ngôn ngữ đã học vào môi trường kỹ thuật. Qua đó, sinh viên nắm vững kiến thức không những về tiếng Anh kỹ thuật mà còn về chuyên ngành công nghệ thông tin để đọc sách, nghiên cứu và phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai.

9.19. English for Electronic and Electrical Engineering

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Upper-intermediate Listening and Speaking, Upper-intermediate Reading

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những thuật ngữ và cấu trúc ngữ pháp liên quan đến chuyên ngành điện-điện tử như động cơ điện, máy phát điện, máy biến áp, dòng điện một chiều, dòng điện xoay chiều, chất bán dẫn... Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cùng với kỹ năng dịch được củng cố và phát triển nhằm giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học trong môi trường kỹ thuật. Qua đó, sinh viên có thể đọc sách chuyên ngành, đọc sơ đồ, đọc giá trị các linh kiện trong điện tử, có thể nghiên cứu và làm việc độc lập trong môi trường tiếng Anh kỹ thuật.

9.20. English for Mechanical Engineering

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Upper-intermediate Listening and Speaking, Upper-intermediate Reading

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những thuật ngữ và cấu trúc ngữ pháp liên quan đến chuyên ngành Cơ khí như: các loại máy đơn giản, máy công cụ, các phương pháp cắt gọt, kết nối vật liệu, đặc tính, phân loại vật liệu... Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cùng với kỹ năng dịch được củng cố và phát triển nhằm giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học trong môi trường kỹ thuật. Qua đó, sinh viên nắm vững kiến thức không những về tiếng Anh kỹ thuật mà còn về chuyên ngành cơ khí để đọc sách, nghiên cứu và phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai.

9.21. English for Business Communication

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Intermediate Reading, Academic Writing, and Upper-inter Listening-Speaking.

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức, thuật ngữ, các cấu trúc tiếng Anh, kỹ thuật và các kỹ năng cần thiết trong giao tiếp thương mại; giúp người học có thể: trao đổi thông tin trong môi trường thương mại; sử dụng ngôn ngữ phù hợp và tham gia vào các sự kiện, cuộc họp trong môi trường thương mại đạt hiệu quả cao; trình bày, thuyết trình trong các phiên họp hoặc hội nghị. Khóa học cũng giúp người học có cơ hội phát triển kỹ năng trình bày bằng tiếng Anh và dùng các thuật ngữ trong thương mại thông qua các hoạt động trên lớp.

9.22. Nhật ngữ 1

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ Anh ĐHSPT ở học kỳ 3 nhằm giới thiệu một ngoại ngữ mới với tư cách là ngoại ngữ 2. Bên cạnh đó, học phần này còn hướng đến việc phát triển khả năng sử dụng tiếng Nhật sơ cấp trong giao tiếp của sinh viên giúp các em trang bị thêm kỹ năng tiếp cận với một ngoại ngữ mới. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể sử dụng được tiếng Nhật sơ cấp trong các tình huống giao tiếp đơn giản như: giới thiệu về bản thân, chào hỏi, giới thiệu về gia đình, nói về món ăn yêu thích; đọc được thực đơn và gọi món.

9.23. Nhật ngữ 2**(3 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: Tiếng Nhật 1**Môn học tiên quyết: không**Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ Anh ĐHSPKT ở học kỳ 4 nhằm nâng cao trình độ tiếng Nhật của sinh viên đã hoàn thành học phần Nhật ngữ 1. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng mở rộng cách giao tiếp cơ bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống như nhà ở, cuộc sống, sở thích...

9.24. Nhật ngữ 3**(3 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: Tiếng Nhật 2**Môn học tiên quyết: không**Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm thứ ba chuyên ngữ Anh ĐHSPKT ở học kỳ 5 nhằm nâng cao năng lực ngôn ngữ của sinh viên đã hoàn thành học phần Nhật ngữ 2. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng giao tiếp hầu hết các tình huống sinh hoạt hằng ngày như đi lại bằng cách nào, nói về nơi nổi tiếng, nói về đồ yêu thích, cách nói khi mua đồ, nói về du lịch...

9.25. Tiếng Trung 1**(3 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: không**Môn học tiên quyết: không**Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học này được thiết kế cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngữ Anh ĐHSPKT TPHCM ở học kỳ 1 nhằm giới thiệu một ngoại ngữ mới với tư cách là ngoại ngữ 2. Học phần Tiếng Trung 1 học từ bài 1 – bài 10 Giáo trình Chuẩn HSK1 + sách bài tập HSK1 do Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh xuất bản. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thanh mẫu, vận mẫu, kết cấu âm tiết, thanh điệu, biến điệu...giúp người học có thể hiểu và nắm rõ toàn diện ngữ âm trong tiếng Trung, các kết cấu cơ bản của chữ Hán và quy tắc viết chữ Hán. Ngoài ra, sau khi học hết học phần này sinh viên có thể vận dụng tiếng Trung để chào hỏi, tạm biệt, xin lỗi, cảm ơn, mua sắm, hỏi thăm, giao lưu... ở trình độ cơ bản tương ứng với mục tiêu của học phần tương đương trình độ tiên HSK 1.

9.26. Tiếng Trung 2**(3 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: Tiếng Trung 1**Môn học tiên quyết: không**Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học này được thiết kế cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngữ Anh ĐHSPKT TPHCM ở học kỳ 2 nhằm nâng cao trình độ tiếng Trung của sinh viên đã hoàn thành phần tiếng Trung 1. Học phần Tiếng Trung 2 gồm 5 bài cuối trong Giáo trình Chuẩn HSK1 và 5 bài đầu trong Giáo trình Chuẩn HSK 2 ĐH ngôn ngữ Bắc Kinh xuất bản. Là học phần cung cấp kiến thức cơ bản trong

giao tiếp tiếng Trung về cách hỏi giờ, hỏi thời tiết, món ăn, mua sắm. Sau khi học hết học phần này sinh viên có thể vận dụng các tiếng Trung để trả lời và đối thoại theo chủ đề tương ứng với trình độ CDR của học phần tương đương trình độ HSK 1 và tiền HSK 2.

9.27. Tiếng Trung 3

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Tiếng Trung 2

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này được thiết kế cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ Anh ĐHSPKT TP.HCM ở học kỳ 1 nhằm nâng cao năng lực ngôn ngữ của sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Trung 2. Học phần Tiếng Trung 3 gồm 10 bài cuối trong Giáo trình Chuẩn HSK2 + sách bài tập HSK2 do Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh xuất bản. Là học phần cung cấp kiến thức cơ bản trong cuộc sống như cách hỏi tuổi tác, nhà ở, công việc chỗ làm việc, vui chơi giải trí. Kết thúc học phần này sinh viên có thể vận dụng tiếng Trung để giao tiếp, đối thoại theo chủ đề tương ứng với trình độ CDR tương đương trình độ HSK 2.

9.28. Lịch sử văn minh thế giới

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm 2 bậc Đại học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và một số thành tựu nổi bật về văn hóa, khoa học - kỹ thuật... của các nền văn minh nổi bật thời kỳ cổ trung đại ở phương Đông như Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa và ở phương Tây như Hy Lạp, La Mã, các nước Tây Âu. Từ những kiến thức nền tảng về lịch sử phát triển và sự tiến bộ của nhân loại giúp sinh viên có thái độ tích cực cầu tiến, phát huy khả năng sáng tạo, tăng cường niềm đam mê khám phá, trau dồi, tích lũy kiến thức, kỹ năng để thành công. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp hỗ trợ cho sinh viên hình thành và rèn luyện một số kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tìm kiếm tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm.

9.29. Tiếng Việt Thực hành

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm 2 ở bậc đại học nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đặc điểm của tiếng Việt; giúp sinh viên củng cố và rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt trên năm bình diện chủ đạo: Chính tả, Từ vựng, Ngữ pháp, Phong cách ngôn ngữ, Văn bản. Từ đó, sinh viên có thể chủ động vận dụng tiếng mẹ đẻ đúng chuẩn mực trong học tập và nghiên cứu, góp phần giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp hỗ trợ cho sinh viên hình thành và rèn

luyện một số kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tìm kiếm tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm.

9.30. Cơ sở Văn hóa Việt Nam

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm 2 bậc Đại học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hóa nói chung, văn hóa Việt Nam nói riêng đặc biệt là các giá trị bản sắc của nền văn hóa Việt Nam mà thông qua đó bạn bè quốc tế có thể nhận diện nét riêng của nền văn hóa Việt Nam và phân biệt với các nền văn hóa khác trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Qua học phần này, sinh viên có thể hiểu những đặc trưng cơ bản, cốt lõi của nền văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại; biết tự định hướng trong thế giới thông tin đa dạng, đa chiều hiện nay và trong bối cảnh xu hướng toàn cầu hóa, quốc tế hóa đang diễn biến ngày càng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực trong đó có văn hóa; tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại trên nền tảng hòa nhập nhưng không hòa tan. Bên cạnh đó, học phần này còn giúp hỗ trợ cho sinh viên hình thành và rèn luyện một số kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tìm kiếm tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm.

9.31. Nhập môn lập trình Python

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Python là một trong những ngôn ngữ lập trình đa dụng phổ biến hiện nay. Ngôn ngữ này đang ngày càng trở nên phổ biến hơn trong lĩnh vực kỹ thuật dữ liệu. Học phần này trang bị các kiến thức và kỹ năng cơ bản về lập trình sử dụng ngôn ngữ Python. Các kiến thức bao gồm cú pháp ngôn ngữ, các kiểu dữ liệu và cấu trúc dữ liệu thường sử dụng, các hàm tiện ích thường dùng, khái niệm lập trình hướng đối tượng trên Python. Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức chuyên sâu về việc sử dụng các tiện ích mở rộng của Python trong xử lý dữ liệu, bao gồm phân tích khai phá dữ liệu, tiền xử lý dữ liệu, và xây dựng mô hình dự báo đơn giản.

9.32. Nhập môn ngành Sư phạm

3 (2+1) tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên Anh văn chuyên ngữ năm thứ nhất trường ĐHSPTK về ngành Sư phạm Anh văn Kỹ thuật, mục tiêu học tập, các chuẩn cần đạt và định hướng nghề nghiệp. Học phần cũng nhằm giới thiệu cho sinh viên biết phương pháp và kỹ năng học nói chung và phương pháp học tiếng Anh nói riêng ở bậc đại học nhằm giúp cho sinh viên đạt được kết quả mong muốn để có được kiến thức tổng quát, các kỹ năng chuyên môn cần thiết, cũng như thái độ về nghề nghiệp tương lai.

9.33. Introduction to Teaching Methodology

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này cung cấp cho sinh viên năm hai, ngành Sư phạm tiếng Anh kỹ thuật trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM kiến thức cơ bản về phương pháp giảng dạy tiếng Anh nói chung và tiếng Anh Kỹ thuật nói riêng. Thứ nhất, khóa học tạo cơ hội cho sinh viên phân tích các đặc điểm của các nhóm người học khác nhau và cách thức tổ chức hoạt động dạy để tạo môi trường học tốt nhất cũng như vai trò của giáo viên trong suốt quá trình và trong mỗi buổi học, hoạt động học nói riêng. Thứ hai, học phần giới thiệu các yếu tố về môi trường học tập như quy mô lớp học hay độ phân hóa đa dạng về trình độ của người học. Sinh viên cũng được tiếp cận với các phương pháp giảng dạy tiếng Anh trong suốt lịch sử phát triển, phân tích đặc điểm của mỗi phương pháp để xác định tính phù hợp với từng tình huống cụ thể. Thứ tư, sinh viên được học về cách quản lý lớp để có một buổi học thành công như cách chia nhóm học tập, nhận diện lỗi sai của người học và cách đưa ra phản hồi tích cực, hiệu quả nhất.

9.34. Language Skills Teaching

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Introduction to Teaching Methodology

Môn học tiên quyết: Introduction to Teaching Methodology

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này cung cấp cho sinh viên năm hai chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh Kỹ thuật của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM bức tranh toàn cảnh về giảng dạy ngôn ngữ nói chung và giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành kỹ thuật nói riêng. Khóa học này là phần tiếp nối của môn Introduction to Teaching Methodology, trọng tâm là cung cấp kiến thức về phương pháp giảng dạy từ vựng, phát âm, ngữ pháp, cùng với 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và cách thiết kế bài giảng. Cùng với học phần lý thuyết, sinh viên sẽ có cơ hội thực hành thiết kế bài giảng và thực tập giảng dạy để củng cố kiến thức và vận dụng lý thuyết chung vào giảng dạy một lớp học cụ thể. Sau hoạt động tập giảng, sinh viên nhận được thông tin phản hồi từ bạn cùng lớp và nhận xét của giảng viên, rút kinh nghiệm cho bản thân để có được những tiết dạy tốt hơn trong tương lai.

9.35. Thực Hành Giảng Dạy

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Language Skills Teaching

Môn học tiên quyết: Language Skills Teaching

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giúp cho sinh viên năm ba, chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh kỹ thuật của trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP HCM hệ thống hóa kiến thức về dạy và học ngôn ngữ, cách tiếp cận

phương pháp luận trong giảng dạy ngôn ngữ, quản lý lớp học, cách dạy các thành phần ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ. Trong học phần này sinh viên có thể ứng dụng những phương pháp giảng dạy trong quá trình thực hành giảng dạy theo nhóm. Học phần còn tạo cơ hội cho sinh viên quan sát lớp học, thực hành soạn bài giảng và biết cách quản lý lớp có hiệu quả. Bên cạnh hoạt động tập giảng, sinh viên cũng nhận được phản hồi từ bạn cùng lớp và nhận xét của giảng viên nhằm rút kinh nghiệm cho bản thân để có được những tiết dạy tốt hơn trong tương lai.

9.36. Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh Thiếu Nhi

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Introduction to Teaching Methodology

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Phương pháp giảng dạy tiếng Anh thiếu nhi được thiết kế dành cho sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh nhằm trang bị cho các giáo viên tương lai những kiến thức về đặc điểm lứa tuổi trẻ em, những phương pháp, kỹ năng, ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy. Sinh viên cần vận dụng kiến thức về phương pháp giảng dạy nói chung, kỹ thuật thiết kế giáo án trong học phần Nhập môn ngành Sư phạm tiếng Anh vào học phần này để thấy được nét khác biệt và cân điều chỉnh khi dạy trẻ em. Phương pháp giảng dạy sẽ bao gồm các hoạt động thảo luận tài liệu, chia sẻ kinh nghiệm, thực hành, nhận xét, đánh giá các hoạt động giảng dạy.

9.37. Phương Pháp Nghiên Cứu Khoa Học

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Critical Writing

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh Kỹ thuật trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM kiến thức nền tảng về việc thực hiện nghiên cứu khoa học và viết báo cáo. Khóa học cũng giới thiệu nhiều hình thức khác nhau của các ấn bản NCKH và quy trình chi tiết khi thực hiện một nghiên cứu. Sinh viên được học cách xác định mục tiêu nghiên cứu, tổng quan tài liệu, thiết kế công cụ nghiên cứu, thu thập dữ liệu, nhận diện kết quả và đưa ra kết luận. Học phần cũng giúp cho sinh viên luyện tập kỹ năng viết đề cương nghiên cứu, trình bày kết quả phân tích dữ liệu, áp dụng các quy chuẩn và nâng cao đạo đức nghiên cứu cũng như giúp trang bị các kỹ năng cần thiết cho con đường nghiên cứu học thuật. Học phần giúp sinh viên cải thiện khả năng nghiên cứu độc lập để nâng cao chất lượng học và động lực làm nghiên cứu.

9.38. Phát Triển Tài Liệu Giảng Dạy

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: Critical Writing

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm hỗ trợ sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh kỹ thuật trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM ý thức được tầm quan trọng của tài liệu giảng dạy trong chương trình đào tạo, hoàn thiện kỹ năng khai thác tài liệu trong quá trình giảng dạy tiếng Anh. Sinh viên có cơ hội lĩnh hội kiến thức và luyện tập kỹ năng đánh giá, phát triển tài liệu phục vụ cho mục đích giảng dạy và học tập thông qua việc phân tích, thảo luận các loại hình tài liệu sử dụng trong các bối cảnh khác nhau. Ngoài ra, sinh viên cũng phân tích kinh nghiệm từ khóa thực tập và từ đó rút

ra bài học cho việc sử dụng và phát triển tài liệu giảng dạy của bản thân. Khóa học giúp hoàn thiện khả năng sử dụng tài liệu của các giáo viên tương lai nhằm tạo điều kiện tốt nhất để nâng cao chất lượng và động lực học tập của người học.

9.39. Ứng Dụng CNTT Trong Giảng Dạy Tiếng Anh

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Introduction to Teaching Methodology

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng các loại công nghệ khác nhau như là một công cụ hiệu quả trong dạy và học môn Tiếng Anh. Cụ thể sinh viên sẽ được học cách nối các thiết bị hỗ trợ trình chiếu; chỉnh sửa sách điện tử; tìm kiếm, chọn lựa, tải về hình ảnh, âm thanh và video. Bên cạnh đó, sinh viên còn được học cách tạo và chỉnh sửa file âm thanh; làm phim; sử dụng các hiệu ứng trình chiếu, chèn hình ảnh, âm thanh và video vào trình chiếu. Về cơ bản, sinh viên sẽ được cung cấp nhiều cơ hội để luyện tập thành thạo và có thể sử dụng những công nghệ mới nhất để ứng dụng trong việc học cũng như giảng dạy Tiếng Anh sau này.

9.40. Chuyên đề doanh nghiệp

(2 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: Language Skills Teaching

Tóm tắt nội dung môn học:

Mối liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp là xu hướng phổ biến trong GD-ĐT theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp. Các hoạt động liên kết doanh nghiệp chủ yếu tập trung ở các nội dung sau đây: liên kết trong hoạt động đào tạo như tổ chức tham quan thực tế tại doanh nghiệp nhằm tạo cơ hội cho sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp; doanh nghiệp chia sẻ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kinh nghiệm làm việc thực tiễn cho sinh viên. Việc liên kết còn mang lại cơ hội để sinh viên nâng cao tinh thần sáng tạo và khởi nghiệp trong tương lai.

9.41. Teaching Practicum

(6 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 6(6/0/12)

Môn học trước: Professional Experience

Môn học tiên quyết: Professional Experience

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên năm 4 cơ hội kiến tập và thực hành giảng dạy tiếng Anh qua đó có được kinh nghiệm thực tế giảng dạy môn tiếng Anh trong nhiều môi trường khác nhau. Trong học phần này thực tập sinh sẽ có cơ hội quan sát lớp học thực tế, tiến hành soạn bài giảng và thực hành giảng dạy trong môi trường cụ thể, qua đó biết cách áp dụng các chiến lược và phương pháp giảng dạy cũng như quản lý lớp học một cách hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên cũng còn được tạo thêm cơ hội để thực hành giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành.

9.42. Kiểm Tra Đánh Giá**(3 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: Không**Môn học tiên quyết: Teaching Practice, Teaching English to Young Adult Learners, Critical Writing**Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này được thiết kế dành cho sinh viên năm 4 chuyên ngành Tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM. Học phần này nhằm cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản liên quan đến kiểm tra và đánh giá khả năng sử dụng ngôn ngữ của người học ngoại ngữ. Ngoài ra, sinh viên còn được giới thiệu một số phương pháp và kỹ thuật khác nhau để đánh giá năng lực ngoại ngữ của người học về 4 kỹ năng và sự thành thạo về phát âm, ngữ pháp, và từ vựng tiếng Anh, cũng như phát triển tư duy phản biện. Các dạng đề thi khác nhau được trình bày ngắn gọn để minh họa cho nội dung lý thuyết.

9.43. Sociolinguistics**(3 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: không**Môn học tiên quyết: Advanced Listening - Speaking**Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này được thiết kế dành cho sinh viên năm 4 chuyên ngành Tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về bản chất xã hội của ngôn ngữ, cách ngôn ngữ được sử dụng trong những bối cảnh khác nhau ở những nền văn hóa khác nhau, và giúp sinh viên thấy được tầm quan trọng của ngôn ngữ trong giao tiếp và truyền đạt thông tin. Ngoài ra, học phần còn giải thích các vấn đề liên quan đến phương ngữ, biến thể, ngôn ngữ đơn giản hóa (pidgin), và hiện tượng đổi ngôn ngữ (code-switching). Các ứng dụng của môn học trong thực hành giảng dạy và phát triển chương trình đào tạo cũng được thảo luận trong khóa học.

9.44. Second Language Acquisition**(3 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: không**Môn học tiên quyết: Upper-intermediate Reading**Tóm tắt nội dung học phần:*

Hiểu được quá trình học ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition - SLA) là nền tảng quan trọng trong việc giảng dạy ngôn ngữ và thiết kế chương trình đào tạo. Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên năm cuối chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật kiến thức cơ bản về SLA từ đó giúp sinh viên hiểu được quá trình lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai, sự khác biệt giữa việc học ngôn ngữ bản xứ và ngôn ngữ thứ hai, thứ ba. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển, tồn tại và suy thoái ngôn ngữ cũng được phân tích trong học phần. Học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức giảng dạy chuyên nghiệp và các đề tài nghiên cứu tiềm năng trong tương lai.

9.45. Khóa luận**(09 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 09(09/0/18)**Môn học trước: không*

Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên năm cuối tùy theo năng lực và điều kiện để làm luận văn tốt nghiệp có thể được giao thực hiện một đề tài dưới sự hướng dẫn của một giáo viên có kinh nghiệm do Khoa chỉ định. Sinh viên phải tuân thủ các yêu cầu và quy trình thực hiện một luận văn tốt nghiệp, từ việc chọn đề tài, thiết kế đề cương nghiên cứu, phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu, cũng như trình bày luận văn trước hội đồng phân biện. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc 6 phần của một luận văn gồm giới thiệu đề tài và tầm quan trọng của đề tài, cơ sở luận, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, thảo luận về kết quả nghiên cứu và các đề xuất nghiên cứu trong tương lai. Qua học phần này, sinh viên sẽ rèn luyện được kỹ năng nghiên cứu độc lập, sưu tầm tài liệu cũng như kỹ năng phân tích, tổng hợp và tư duy phê phán.

9.46. Triết học Mác-Lênin

(03 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin, và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

9.47. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

(02 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

9.48. Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học

(02 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 7 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ

nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

9.49. Tư tưởng Hồ Chí Minh

(02 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, con người; Đạo đức.

9.50. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

(02 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Triết học Mác – Lênin, Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học, Tư tưởng Hồ Chí Minh

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

9.51. Pháp luật đại cương

(02 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, bao gồm: lý luận chung về nhà nước và pháp luật (nguồn gốc, bản chất, chức năng, đặc trưng cơ bản của nhà nước; nguồn gốc, hình thức, khái niệm, thuộc tính của pháp luật); hệ thống pháp luật và quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các chế định luật cơ bản của một số ngành luật quan trọng.

9.52. Tâm lý học

(03 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(30/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm: các quá trình, trạng thái, thuộc tính tâm lý với những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó. Từ đó ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho công tác giáo dục và dạy học nghề nghiệp như: đặc điểm tâm lý của lứa tuổi thanh niên học nghề; bản chất và các quy luật tâm lý của hoạt động dạy và học; các điều kiện ảnh hưởng đến chất lượng của sự lĩnh hội khái niệm và hình thành kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp.

9.53. Quản lý hành chính nhà nước trong GD

(03 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(30/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo Việt Nam. Nội dung chính của học phần gồm những vấn đề như cách thức tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tính chất, nguyên tắc, chức năng và quy trình quản lý hành chính nhà nước; đờng lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục - đào tạo, về giáo dục nghề nghiệp.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các xưởng, phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Phòng A5-201 và A5-202

10.2. Thư viện, trang Web

Thư viện Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp.HCM: <http://lib.hcmute.edu.vn/>

Thư viện Đại học Quốc Gia Tp.HCM: www.vnulib.edu.vn

Thư viện Đại học Kinh Tế Tp.HCM: www.lib.ueh.edu.vn

Thư viện Đại học Bách Khoa Tp.HCM: www.lib.hcmut.edu.vn

Thư viện Đại học Kinh Tế Quốc Dân: www.lic.neu.edu.vn

Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ Thuật: www.tapchikhgdkt.hcmute.edu.vn

Tạp chí Phát triển kinh tế: www.tcptkt.ueh.edu.vn

Tạp chí Khoa học: www.tckh.ou.edu.vn

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH SPKT Tp.HCM.

Giờ quy định tính như sau:

- 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
- = 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành
- = 45 giờ tự học
- = 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở.
- = 45 ÷ 60 giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Số giờ của môn học là bội số của 15.

b. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được Hội đồng Khoa học Đào tạo trường quyết định vào đầu các khóa tuyển sinh. Trong thời gian học tập, Nhà trường sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà SV được phép đăng ký. SV có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

TS. Đặng Tấn Tín